

Số: 142/2015/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 7 năm 2015

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí**  
**trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**  
**KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,  
Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí năm 2001;

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Thông tư Liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 80/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai;

Căn cứ Thông tư số 50/2013/TT-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;



Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;

Sau khi xem xét Tờ trình số 311/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định sửa đổi, bổ sung một số loại phí áp dụng trên địa bàn tỉnh như sau:**

**1. Quy định phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản:**

a) Đối tượng áp dụng:

- Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Đơn vị thu phí: Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp; Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

b) Mức thu phí:

- Trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò:

<b>TT</b>	<b>Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm</b>	<b>Mức thu (đồng/hồ sơ)</b>
1	Từ 1 tỷ đồng trở xuống	2.000.000
2	Từ trên 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	4.000.000
3	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	6.000.000
4	Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	8.000.000
5	Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	10.000.000
6	Từ trên 100 tỷ đồng	12.000.000

- Trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản:

<b>TT</b>	<b>Diện tích khu vực đấu giá</b>	<b>Mức thu (đồng/hồ sơ)</b>
1	Từ 0,5 ha trở xuống	2.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	4.000.000



3	Từ trên 2 ha đến 5 ha	6.000.000
4	Từ trên 5 ha đến 10 ha	8.000.000
5	Từ trên 10 ha đến 50 ha	10.000.000
6	Từ trên 50 ha	12.000.000

Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được hoàn lại toàn bộ tiền phí tham gia đấu giá đã nộp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức phiên bán đấu giá.

c) Quản lý, sử dụng tiền thu phí:

- Đối với đơn vị thu phí là Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh và Hội đồng bán đấu giá quyền khai thác khoáng sản do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập:

Đề lại 70% số thu được để bổ sung vào nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị; phần còn lại (30%) nộp vào ngân sách nhà nước và điều tiết toàn bộ vào ngân sách tỉnh.

- Đối với đơn vị thu phí là doanh nghiệp bán đấu giá tài sản:

Phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản thu được là khoản không thuộc ngân sách nhà nước. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

## 2. Sửa đổi, bổ sung quy định phí sử dụng cảng cá:

a) Đối tượng áp dụng:

- Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân có hàng hoá và phương tiện sử dụng tại cảng cá (Trừ tàu, thuyền của các đơn vị an ninh, quốc phòng đang làm nhiệm vụ và tàu, thuyền cập cảng, bến cá trong thời gian tránh thiên tai).

- Đơn vị tổ chức thu phí: Ban Quản lý các cảng cá Hà Tĩnh.

b) Mức thu phí:

Mức thu phí đối với tàu thuyền đánh cá cập cảng và phương tiện vận tải cho 01 lần ra, vào cảng cá như sau:

TT	Nội dung	Mức thu
1	Đối với tàu, thuyền đánh cá cập cảng, mức thu cho 01 lần vào hoặc ra cảng	
-	Có công suất từ dưới 20 CV	8.000 đồng
-	Có công suất từ 20 CV đến 50 CV	15.000 đồng
-	Có công suất trên 50 đến 90 CV	30.000 đồng
-	Có công suất trên 90 CV đến 200 CV	50.000 đồng
-	Có công suất trên 200 CV	80.000 đồng
2	Đối với tàu thuyền vận tải cập cảng, mức thu cho 01 lần vào hoặc ra cảng	
-	Có trọng tải dưới 5 tấn	15.000 đồng



-	Có trọng tải từ 5 tấn đến 10 tấn	30.000 đồng
-	Có trọng tải trên 10 tấn đến 100 tấn	80.000 đồng
-	Có trọng tải trên 100 tấn	130.000 đồng
3	Đối với phương tiện vận tải, mức thu cho 01 lần vào hoặc ra cảng	
-	Xe máy, xích lô, ba gác chở hàng	2.000 đồng
-	Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn	8.000 đồng
-	Phương tiện có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn	15.000 đồng
-	Phương tiện có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn	25.000 đồng
-	Phương tiện có trọng tải trên 5 đến 10 tấn	30.000 đồng
-	Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn	40.000 đồng
4	Đối với hàng hóa qua cảng	
-	Hàng thủy sản, động vật tươi sống	15.000 đồng/tấn
-	Hàng hóa là Container	50.000 đồng/container
-	Các loại hàng hóa khác	6.000 đồng/tấn

- Một (01) lượt vào, ra cảng: Tối đa 48 giờ.

- Mức thu đối với chủ tàu có nhu cầu nộp phí theo tháng, quý, năm như sau:

+ Mức thu 01 tháng = 60% x mức thu 15 lượt.

+ Mức thu 01 quý = 50% x mức thu 45 lượt.

+ Mức thu 01 năm = 40% x mức thu 180 lượt.

c) Quản lý, sử dụng tiền thu phí:

- Để lại 90% số tiền phí thu được cho đơn vị thu phí để phục vụ cho công tác thu phí;

- Số tiền phí còn lại (10%) được nộp vào ngân sách nhà nước và điều tiết toàn bộ vào ngân sách tỉnh.

### **3. Sửa đổi, bổ sung quy định phí đo đạc, lập bản đồ địa chính:**

a) Đối tượng áp dụng:

- Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc được phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

- Đối tượng không chịu phí:

Thửa đất được các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tự đầu tư kinh phí thuê tư vấn đo vẽ (tư vấn có pháp nhân đo đạc bản đồ và kinh phí đầu tư không có nguồn gốc từ ngân sách), đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định đạt yêu cầu.

- Đơn vị tổ chức thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh.

b) Mức thu phí:



TT	Quy mô thửa đất	Mức thu (đồng/thửa)
1	Dưới 100 m <sup>2</sup>	60.000
2	Từ 100 m <sup>2</sup> đến 300 m <sup>2</sup>	150.000
3	Trên 300 m <sup>2</sup> đến 500 m <sup>2</sup>	300.000
4	Trên 500 m <sup>2</sup> đến 1.000 m <sup>2</sup>	380.000
5	Trên 1.000 m <sup>2</sup> đến 5.000 m <sup>2</sup>	450.000
6	Trên 5.000 m <sup>2</sup> đến 10.000 m <sup>2</sup> (1 ha)	800.000
7	Trên 1 ha đến 5 ha	950.000
8	Trên 5 ha đến 10 ha	2.000.000
9	Trên 10 ha	2.000.000 + 15 đồng/m <sup>2</sup> (đối với mỗi m <sup>2</sup> tăng thêm)

c) Quản lý, sử dụng tiền thu phí:

- Để lại 30% số tiền phí thu được cho đơn vị thu phí để phục vụ cho công tác thu phí.

- Số tiền phí còn lại (70%) nộp vào ngân sách nhà nước và điều tiết toàn bộ vào ngân sách tỉnh.

**4. Bổ sung đơn vị thu phí và tỷ lệ phần trăm (%) để lại đơn vị thu phí đối với phí vệ sinh:**

Đơn vị thu phí: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức, cá nhân được phép hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn tỉnh hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền thu phí.

Để lại 100% số tiền phí thu được cho đơn vị thu phí để phục vụ cho công tác cung ứng dịch vụ vệ sinh và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Các quy định khác đối với loại phí này giữ nguyên theo Nghị quyết số 57/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 2. Các quy định tại Điều 1 Nghị quyết này được áp dụng từ ngày 01 tháng 8 năm 2015 và thay thế:**

1. Mục 2, Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 61/2007/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung mức thu, tỷ lệ phần trăm trích để lại cho đơn vị thu một số loại phí, lệ phí; phân bổ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và chế độ công tác phí, chế độ chi tiêu tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 80/2008/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định bổ sung, sửa đổi một số loại phí, lệ phí, học phí; giá thu một phần viện phí Phòng khám đa khoa khu



vực, Trạm y tế xã, phường, thị trấn và chính sách huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

3. Điểm 3, Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 37/2012/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định bổ sung, điều chỉnh giá dịch vụ khám, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và một số loại phí áp dụng trên địa bàn tỉnh.

4. Khoản 2, Khoản 5, Điều 1 Nghị quyết số 67/2013/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.


### **Điều 3. Tổ chức thực hiện:**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết và ban hành Quyết định quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng đối với từng loại phí.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVI, Kỳ họp thứ 14 thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBND tỉnh;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm T. Tin VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh; 
- Lưu.

**CHỦ TỊCH**



**Võ Kim Cự**